

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 21 – 7 – 2025.

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Như Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trực.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Chí Khánh. Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2025/TLST – HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2025, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 118/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Thành T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp 4, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Đoàn Ngọc H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp 4, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Phúc T. Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên DiNa thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Thành T trình bày: ông và bà Đoàn Ngọc H chung sống với nhau vào

năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường III, thành phố Vị Thanh (nay là phường Vị Thanh), thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian từ năm 2019 đến nay phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng nhiều dẫn đến tình cảm không còn. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài. Nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Đoàn Ngọc H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Thành L (giới tính nam), sinh ngày 29/8/2006 và Trương Thùy T (giới tính nữ), sinh ngày 03/6/2013. Về con chung tên Trương Thành L đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Về con chung tên Trương Thùy T, sinh ngày 03/6/2013 ông Trương Thành T đồng ý giao cho bà Đoàn Ngọc H nuôi dưỡng, ông Trương Thành T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi con chung tên Trương Thùy T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Thành T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 10/6/2025 bị đơn bà Đoàn Ngọc H trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung như ông Trương Thành T trình bày là đúng, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Trương Thành T có mối quan hệ tình cảm với người khác ngoài hôn nhân dẫn đến cuộc sống vợ chồng mất hạnh phúc, hiện nay bà nhận thấy không thể có một cuộc sống hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa, tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc vợ chồng chung sống sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc hôn nhân, con cái sau này. Tuy nhiên, bà Đoàn Ngọc H không đồng ý ly hôn với ông Trương Thành T vì muốn giải quyết vấn đề tài sản chung, tránh tranh chấp về sau.

Về con chung: Có hai con chung như ông Trương Thành T đã trình bày. Đối với con chung tên Trương Thành L đã thành niên không yêu cầu giải quyết; con chung tên Trương Thùy T bà yêu cầu được nuôi, yêu cầu ông Trương Thành T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000 đồng, cho đến khi con chung tên Trương Thùy T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng vợ chồng hiện đang muốn tự thỏa thuận để lại cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Đoàn Ngọc H vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Đoàn Ngọc H là Luật sư Nguyễn Phúc T tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn, do nguyên đơn đã vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, cụ thể là ông Trương Thành T không chung thủy trong cuộc sống hôn nhân. Đồng thời, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ông Trương Thành T có dấu hiệu cưỡng ép ly hôn đối với bà Đoàn Ngọc H, liên tục nhấn tin yêu cầu nhanh chóng giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn nên bà Đoàn Ngọc H không đồng ý ly hôn. Về con chung: Bà Đoàn Ngọc H yêu cầu được nuôi con chung tên Trương Thùy T, yêu cầu ông Trương Thành T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi con chung tên Trương Thùy T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Trương Thành T khởi kiện bà Đoàn Ngọc H để yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có nơi cư trú tại phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Ông Trương Thành T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Đoàn Ngọc H là bị đơn dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trương Thành T và bà Đoàn Ngọc H chung sống với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không phù hợp quan điểm trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn ông bà đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án cũng đã tạo điều kiện hoà giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng ông Trương Thành T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đoàn Ngọc H không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đến Tòa án tham gia hoà giải với bà Trương Thành T để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án cả hai bên đều trình bày không thể tiếp tục chung sống với nhau, việc vợ chồng tiếp tục chung sống sẽ ảnh hưởng không tốt đến con cái sau này, nhưng bà Đoàn Ngọc H không đồng ý ly hôn với ông Trương Thành T là không phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Việc bà Đoàn Ngọc H cho rằng không đồng ý ly hôn

với ông Trương Thành T vì muốn giải quyết vấn đề tài sản chung cũng không thuyết phục, do vấn đề này bà Đoàn Ngọc H có yêu cầu phản tố trong vụ án đề yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng sau đó bà Đoàn Ngọc H không nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án đã trả lại đơn yêu cầu phản tố, nếu sau này có tranh chấp bà Đoàn Ngọc H được khởi kiện để yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho ông Trương Thành T được ly hôn với bà Đoàn Ngọc H. Đối với việc bà Đoàn Ngọc H cho rằng ông Trương Thành T không chung thủy trong quan hệ vợ chồng thì bà Đoàn Ngọc H có quyền cung cấp chứng cứ và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Trương Thành L (giới tính nam), sinh ngày 29/8/2006 và Trương Thùy T (giới tính nữ), sinh ngày 03/6/2013. Đối với con chung tên Trương Thành L hiện nay đã thành niên, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với con chung tên Trương Thùy T hiện nay chưa thành niên nhưng đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến thì cháu Trương Thùy T cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Đoàn Ngọc H khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao con chung tên Trương Thùy T cho bà Đoàn Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Thành T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Trương Thành T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Trương Thùy T mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi cháu Trương Thùy T đủ 18 tuổi. Bà Đoàn Ngọc H thì yêu cầu ông Trương Thành T cấp dưỡng nuôi con chung tên Trương Thùy T mỗi tháng 8.000.000 đồng, cho đến khi cháu Trương Thùy T đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hai bên đương sự vắng mặt không trình bày ý kiến gì thêm. Tuy nhiên, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Đoàn Ngọc H là Luật sư Nguyễn Phúc T trình bày hiện nay bà Đoàn Ngọc H cũng đồng ý yêu cầu ông Trương Thành T cấp dưỡng nuôi con chung tên Trương Thùy T mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi cháu Trương Thùy T đủ 18 tuổi. Xét thấy, ý kiến và yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của các bên nêu trên là trên cơ sở tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc ông Trương Thành T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Trương Thùy T mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi cháu Trương Thùy T đủ 18 tuổi.

[6] *Về tài sản chung*: Các bên đều thống nhất tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] *Về nợ chung*: Các bên đều thống nhất khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và cấp dưỡng nuôi con*: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Trương Thành T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 91, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 56, 81, 82, 83 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trương Thành T được ly hôn với bà Đoàn Ngọc H.

2. Về con chung: Bà Đoàn Ngọc H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Thùy T (giới tính nữ), sinh ngày 03/6/2013. Ông Trương Thành T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trương Thùy T (giới tính nữ), sinh ngày 03/6/2013 mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, đến khi cháu Trương Thùy T đủ 18 tuổi. Ông Trương Thành T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc ông Trương Thành T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con buộc ông Trương Thành T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông Trương Thành T được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001498 ngày 31/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Cần Thơ). Ông Trương Thành T phải nộp thêm phần còn thiếu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Cần Thơ;
- UBND phường Vị Thanh, TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Như Nguyễn